

Số: 38 /2021/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trong các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, định hướng một số dự án quan trọng tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 8400/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025; Báo cáo thẩm tra số 192/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên đối với diện tích rừng chi trả dịch vụ môi trường rừng trong các lưu vực thủy điện được chủ rừng tự quản lý bảo vệ theo hình thức hợp đồng với Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Ủy ban nhân dân cấp xã và cộng đồng dân cư thôn có rừng tự nhiên trong các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là chủ rừng).

Điều 3. Nội dung, mức chi và nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ đơn giá bảo vệ rừng đối với diện tích rừng tự nhiên chi trả dịch vụ môi trường rừng trong các lưu vực thủy điện được chủ rừng tự quản lý bảo vệ rừng theo hình thức hợp đồng với Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng nhưng đơn giá bảo vệ rừng thấp hơn 500.000 đồng/ha/năm để đạt mức 500.000 đồng/ha/năm với nội dung hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Chi 80% để hợp đồng Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, gồm:

Chi lương với mức tối thiểu: 4.000.000 đồng/người/tháng (thực nhận) và các khoản trích nộp theo lương.

Hỗ trợ xăng xe: 300.000 đồng/người/tháng.

Hỗ trợ bảo hộ lao động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng: 1.500.000 đồng/người/năm.

Hỗ trợ tiền ăn uống (hậu cần) trong thời gian đi tuần tra với mức 100.000 đồng/người/ngày (theo số ngày thực tế tuần tra nhưng không quá 15 ngày/tháng).

b) Chi 20% cho cộng đồng dân cư thôn thực hiện các nội dung: Tuyên truyền, giám sát, hội họp, bình chọn, vận động thành viên tham gia bảo vệ rừng và các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ rừng của chủ rừng, đảm bảo phù hợp nội dung chi theo quy định tại điểm c khoản 3 (đối với các Ban quản lý rừng) và khoản 4 (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trách nhiệm quản lý rừng) Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; chủ rừng trực tiếp chi các nội dung cho cộng đồng dân cư thôn và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

2. Hỗ trợ công tác quản lý của chủ rừng: Mức chi bằng 7%/tổng mức chi trực tiếp tỉnh hỗ trợ cho bảo vệ rừng, để chi cho các nội dung sau:

a) Chi phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu hàng năm.

b) Chi hỗ trợ Trạm trưởng, Đội trưởng, Tổ trưởng tuần tra bảo vệ rừng là Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng: 300.000 đồng/người/tháng. Đối với Trạm phó, Đội phó, Tổ phó tuần tra bảo vệ rừng là Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, tùy theo nguồn kinh phí quản lý, đơn vị có thể xem xét hỗ trợ mức phù hợp, đảm bảo không cao hơn mức hỗ trợ đối với Trạm trưởng, Đội trưởng, Tổ trưởng.

c) Chi mua sắm thiết bị, dụng cụ, công cụ hỗ trợ và tập huấn cho Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.

3. Nội dung chi tại các khoản 1, 2 Điều 3 Nghị quyết này chỉ áp dụng đối với nguồn kinh phí của tỉnh hỗ trợ.

4. Đối với nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng trên diện tích chủ rừng tự bảo vệ rừng theo hình thức hợp đồng với Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng (ngoài nguồn kinh phí hỗ trợ của tỉnh): Chủ rừng chi tối thiểu 80% cho Lực lượng

chuyên trách bảo vệ rừng; kinh phí dịch vụ môi trường rừng còn lại chi theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

5. Về diện tích

Tổng diện tích rừng tự nhiên trong các lưu vực thủy điện là 328.953,36 ha. Gồm: Diện tích rừng tự nhiên trong lưu vực thủy điện có đơn giá bảo vệ rừng dưới 500.000 đồng/ha/năm là 242.559,44 ha; diện tích rừng tự nhiên trong lưu vực thủy điện có đơn giá bảo vệ rừng hiện tại trên 500.000 đồng/ha/năm và diện tích giao khoán bảo vệ rừng, giao rừng cho cộng đồng là 86.393,92 ha.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trong các lưu vực thủy điện giai đoạn 2022 - 2025 là 634,772 tỷ đồng. Trong đó: Nguồn dịch vụ môi trường rừng: 358,380 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp): 276,392 tỷ đồng.

Dự kiến kế hoạch kinh phí quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trong các lưu vực thủy điện mỗi năm khoảng 158,693 tỷ đồng. Trong đó: Nguồn dịch vụ môi trường rừng: 89,595 tỷ đồng; vốn ngân sách tỉnh: 69,098 tỷ đồng.

(Đính kèm Phụ lục)

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và các nhiệm vụ khác có liên quan.

c) Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng giữa Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh; quy định về trách nhiệm và chế tài xử lý đối với các tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng khai thác rừng, phá rừng trái pháp luật trên địa bàn phụ trách.

d) Trong quá trình thực hiện, kinh phí hỗ trợ của tỉnh được điều chỉnh tương ứng khi diện tích và đơn giá chi trả dịch vụ môi trường trong các lưu vực thủy điện chuyển sang hợp đồng với Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng có sự thay đổi. Trường hợp tăng thêm diện tích rừng trong lưu vực thủy điện nằm ngoài diện tích hiện tại, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp thông nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh kinh phí đảm bảo đơn giá chi trực tiếp cho bảo vệ rừng không thấp hơn 500.000 đồng/ha/năm; tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 46/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019 - 2020.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND;
- Các Bộ: Tài chính, NN&PTNT, TN&MT;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu VT, CTĐB.

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường